

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết của HĐND huyện thông qua
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040,
định hướng đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Triệu Phong.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 23/08/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050.

UBND huyện Triệu Phong trình HĐND huyện thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050 với những nội dung như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện, gồm 01 thị trấn và 17 xã với tổng diện tích tự nhiên 35.339,32ha, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp với thành phố Đông Hà và huyện Gio Linh;
- Phía Nam: giáp với thị xã Quảng Trị;
- Phía Tây: giáp với huyện Đakrông và huyện Cam Lộ;

- Phía Đông: giáp với biển Đông, với chiều dài bờ biển 18 km.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ lập quy hoạch:

- Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu vực trên địa bàn huyện Triệu Phong gắn liền với Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, phù hợp với quy hoạch sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh - quốc phòng; bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững;

- Xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025; trở thành huyện trọng điểm phát triển về nông nghiệp, công nghiệp của tỉnh vào năm 2030;

- Xây dựng và phát triển thị trấn Ái Tử cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025; Xây dựng đô thị khu vực Nam Cửa Việt đạt tiêu chí đô thị loại V đến năm 2030; hình thành mạng lưới các trung tâm kinh tế - kỹ thuật cụm xã, tạo các điểm nhấn cho quá trình đô thị hóa;

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện.

3. Tính chất:

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng phía Đông - Nam của tỉnh Quảng Trị;

- Là khu vực vùng kinh tế tổng hợp nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ và du lịch; ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp đa ngành, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và du lịch, đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

4. Các dự báo phát triển vùng:

4.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân năm trong giai đoạn 2021 - 2030 (giá so sánh) đạt 13 - 14%.

- Cơ cấu kinh tế: Giai đoạn 2021 - 2030 cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng GTSX ngành công nghiệp và ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt khoảng 80 - 85 triệu đồng/người/năm, đến năm 2030 đạt trên 100 triệu đồng/người/năm.

- Tổng đầu tư toàn xã hội giai đoạn đến năm 2025 trên 11.680 tỷ đồng, giai đoạn 2025 - 2030 tăng khoảng 15%.

4.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dự báo dân số vùng huyện: Dự báo đến năm 2030: 133.200 người, năm 2040: 166.600 người, năm 2050: 202.900 người.

- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm 65% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

- Dự báo dân số dân số đô thị: Dự báo đến năm 2030: 42.500 người, năm 2040: 57.200 người, năm 2050: 86.100 người.

4.3. Dự báo khả năng đô thị hóa:

- Dự báo đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa khoảng 31,9%, dân số đô thị là 42.500 người.

- Dự báo đến năm 2040 tỷ lệ đô thị hóa 34,3%, dân số đô thị là 57.200 người.
- Dự báo đến năm 2050 tỷ lệ đô thị hóa 42,4%, dân số đô thị là 86.100 người.

4.4. Dự báo nhu cầu sử dụng đất:

- Dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị: Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030: 1.190ha, đến năm 2040: 1.601,6ha, đến năm 2040: 2.410,8ha.
- Dự báo về nhu cầu đất xây dựng nông thôn: Quy mô đất xây dựng nông thôn đến năm 2030: 1.632,6ha, đến năm 2040: 1.969,2ha, đến năm 2040: 2.102,4ha.

5. Tổ chức phân vùng và các yêu cầu quản lý, phát triển theo các vùng:

5.1. Phân vùng phát triển:

a. Tiểu vùng 1: Tiểu vùng trung tâm.

- Vị trí, quy mô: Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Ái Tử và một phần các xã Triệu Giang, Triệu Ái, Triệu Thượng. Diện tích: khoảng 30 - 40 km², chiếm 10% tổng diện tích toàn huyện.

b. Tiểu vùng 2: Tiểu vùng kinh tế phía Tây.

- Vị trí, quy mô: Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính các xã Triệu Ái, Triệu Thượng. Diện tích: khoảng 130 - 150 km², chiếm 40 - 45% tổng diện tích toàn huyện.

c. Tiểu vùng 3: Tiểu vùng kinh tế nông nghiệp trung tâm.

- Vị trí, quy mô: Bao gồm ranh giới hành chính các xã Triệu Thành, Triệu Long, Triệu Thuận, Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu Hòa, Triệu Tài, Triệu Trung, một phần xã Triệu Trạch, Triệu Giang, Triệu Sơn. Diện tích: khoảng 100-120 km², chiếm 28 - 33% tổng diện tích toàn huyện. Lầy Chợ Cạn xã Triệu Sơn làm trung tâm Thương mại-dịch vụ của Tiểu vùng.

d. Tiểu Vùng 4: Tiểu vùng kinh tế ven biển.

- Vị trí, quy mô: Bao gồm ranh giới hành chính các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, một phần xã Triệu Sơn, Triệu Trạch. Diện tích: khoảng 60 - 70 km², chiếm 17 - 20% tổng diện tích toàn huyện.

5.2. Cấu trúc không gian vùng:

a. Cấu trúc lưu thông:

- Trục Quốc lộ 1A, tuyến cao tốc Cam Lộ - La Sơn, Triệu Phong - Lao Bảo, tuyến Hành lang kinh tế ven biển là các trục hành lang kinh tế đô thị Quốc gia và trục giao thông kết nối các tỉnh Bắc Trung Bộ đi ngang qua địa bàn huyện.

- Trục hành lang kinh tế - đô thị nội vùng: Quốc lộ 49C, nối thị trấn Ái Tử đi Khu kinh tế Đông Nam và các trung tâm xã phía Đông Bắc; đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây đi qua các xã Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu Trạch kết nối thành phố Đông Hà; đường tỉnh 579 từ Quốc lộ 1A đi các huyện phía Tây của tỉnh; đường tỉnh 578B kết nối thành phố Đông Hà với các xã phía Đông của huyện; các trục đường huyện kết nối thị trấn với các trung tâm các xã.

b. Cấu trúc không gian các vùng đô thị:

- Khu vực đô thị - công nghiệp với đô thị hạt nhân là thị trấn Ái Tử (tiểu vùng 1,2) kết hợp với đô thị Nam Cửa Việt (tiểu vùng 3,4 - đô thị loại V), khu kinh tế Đông Nam. Đồng thời, gắn kết không gian với các chuỗi các trung tâm xã dọc theo quốc lộ 49C, ĐH .42, ĐH 43, đường Ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông

Tây.

c. Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở:

- Vùng cảnh quan bao gồm các vành đai xanh (khu vực phát triển lâm nghiệp sinh thái, nông nghiệp kỹ thuật cao, không gian xanh cảnh quan) bao quanh các đô thị, mảng cây xanh (tiểu vùng 2 và 3).

- Khu vực hành lang bảo vệ các sông, hồ như: dọc hai bên sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định, sông Ái Tử, sông Vĩnh Phước, khu vực xung quanh hồ Ái Tử, Triệu Thượng 1 và 2,... là các vùng không gian mở với hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan, tạo bản sắc đặc trưng cho Triệu Phong.

- Các vùng sản xuất nông nghiệp phía đông quốc lộ 1A, và vùng nuôi trồng thủy sản (xung quanh các hồ, ao,...), gắn kết với các vùng cảnh quan và không gian mở tạo thành không gian cảnh quan nông nghiệp của huyện.

c. Vùng hạn chế và cấm xây dựng:

- Cấm xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng, khu vực hành lang bảo vệ xung các hồ đập, dọc sông bờ sông; khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng của Tỉnh để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước;

- Hạn chế xây dựng trong vùng vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn, cao tốc Triệu Phong - Lao Bảo..;

- Hạn chế phát triển xây dựng trong vùng sản xuất nông nghiệp.

6. Định hướng phát triển không gian vùng:

6.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn:

a. Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

Giai đoạn đến năm 2030: toàn huyện có 2 đô thị: 01 đô thị loại IV: thị trấn Ái Tử, 01 đô thị loại V: Đô thị Nam Cửa Việt. Giai đoạn đến năm 2040: toàn huyện có 2 đô thị: 02 đô thị loại IV: thị trấn Ái Tử, Đô thị Nam Cửa Việt.

b. Định hướng phát triển nông thôn:

- Trung tâm xã: Mở rộng quy mô các trung tâm xã hiện hữu, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, trên cơ sở quy hoạch chi tiết khu vực Trung tâm xã được phê duyệt.

- Các điểm dân cư nông thôn: Phát triển các điểm dân cư tập trung trên cơ sở mở rộng các điểm dân cư hiện hữu, từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

6.2. Định hướng phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

a. Định hướng phát triển khu, cụm công nghiệp

- Khu công nghiệp: Khu công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Khu kinh tế Đông Nam.

- Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Ái Tử: giữ nguyên diện tích 15 ha; Cụm Công nghiệp Đông Ái Tử: giữ nguyên diện tích 34,64 ha; Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong: xây dựng cụm công nghiệp Tây Triệu Phong với diện tích 70ha;

b. Định hướng phát triển làng nghề, ngành nghề TTCN:

- Tiếp tục phát triển Công nghiệp - TTCN, ngành nghề ở nông thôn gắn với

quy hoạch chung xây dựng NTM. Từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng điểm Công nghiệp-Làng nghề chế biến mắm, ruốc xã Triệu Lăng; điểm công nghiệp - làng nghề sản xuất bún Thượng Trạch, Linh Chiêu. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cơ sở sản xuất Công nghiệp - TTCN phát triển các ngành nghề truyền thống và ngành nghề mới như: cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,...

c. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu:

Phát triển công nghiệp sản xuất sản phẩm gỗ: Ổn định sản xuất, tìm kiếm cơ hội phát triển, thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước. Phân đầu mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2020 - 2030 đạt 12,5%/năm. Hướng đến nguồn nguyên liệu, vùng trồng gỗ lớn, FSC.

d. Sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển trên cơ sở nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương, lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý, công nghệ và thiết bị tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng phát triển sản xuất gạch ngói không nung, và các chủng loại VLXD mới có chất lượng cao phục vụ nhu cầu xây dựng.

e. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản:

- Tập trung phát triển chế biến nông sản; chế biến lương thực, thực phẩm tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Các sản phẩm chủ yếu và ưu tiên tiếp tục phát triển trong thời gian tới: Gạo sạch, rau quả an toàn, chế biến bún bánh,...

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thay thế dần các thiết bị và công nghệ lạc hậu, đa dạng hoá sản phẩm, cải tiến mẫu mã, bao bì; giảm sơ chế, tăng chế biến sâu để tăng giá trị sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Phát triển các ngành nghề mới như may mặc, lắp ráp ô tô, điện tử, bánh kẹo,...

6.3. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ - du lịch

a. Định hướng phát triển thương mại - dịch vụ:

* Định hướng phát triển thương mại: Tập trung phát triển thương mại - dịch vụ dọc Quốc lộ 1A, Quốc lộ 49C, tuyến đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông-Tây, tuyến tránh phía tây Quốc lộ 1A, khu vực đô thị Nam Cửa Việt; khu vực đô thị Nam sông Vĩnh Phước; đường Hùng Vương nối dài, khu bến cảng CFG, kho xăng dầu Việt Lào (thuộc Khu kinh tế Đông Nam). Chú trọng khai thác các mặt hàng nông sản thực phẩm, thủy hải sản đã qua chế biến.

b. Định hướng phát triển du lịch:

- Quy hoạch, xây dựng khu du lịch sinh thái tại hồ Ái Tử, khu du lịch sinh thái Trám (Triệu Thượng), khu du lịch sinh thái Rừng Bần (Triệu Độ), hồ Triệu Thượng I, II, đầm Duy Phiên, đầm Thái Lai (Triệu Phước), Khu du lịch sinh thái ven biển tại xã Triệu Vân, Triệu Lăng...

- Quy hoạch, đầu tư phục dựng, tôn tạo các địa điểm dinh Chúa Nguyễn tại

xã Triệu Giang, Triệu Ái và thị trấn Ái Tử.

- Phối hợp thực hiện các hình thức vận động, khuyến khích nối tour gắn kết du lịch Triệu Phong trong mối liên kết chặt chẽ với các trung tâm du lịch lớn trong vùng, với du lịch tỉnh Quảng Trị, cả nước và khu vực. Đa dạng các loại hình du lịch tham quan văn hoá - lịch sử, lễ hội, du lịch cộng đồng, tham gia trải nghiệm du lịch sinh thái - làng nghề,...

c. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ khác:

- Vận tải đường bộ: Phát triển thêm một số tuyến xe khách liên tỉnh, nâng số đầu xe khách hoạt động trên địa bàn huyện để đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ hoạt động xây dựng hạ tầng, đi lại của người lao động trong huyện. Nâng cấp chất lượng xe khách đảm bảo tiêu chuẩn.

- Dịch vụ lưu trú, ăn uống, sửa chữa phương tiện giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch, khách qua lại trên địa bàn huyện.

- Văn hóa, giải trí: Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí lành mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

6.4. Định hướng vùng sản xuất nông nghiệp

a. Quy hoạch vùng sản xuất ngành trồng trọt

* Quy hoạch vùng trồng lúa và cây hàng năm khác:

- Vùng cây lúa tập trung: Ổn định diện tích gieo trồng lúa của huyện đến năm 2030 là 11.500 ha (cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu). Trong đó thực hiện 1.870ha cánh đồng lớn.

- Quy hoạch đến năm 2030, diện tích sản xuất lúa hữu cơ tại các xã với diện tích khoảng 1951,5ha, đến năm 2040 có khoảng 2500ha.

- Vùng trồng màu tập trung: Quy hoạch đến năm 2030 diện tích vùng trồng rau màu tập trung tại các xã ven sông với diện tích khoảng 169ha, đến năm 2040 có khoảng 200 - 300ha.

* Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm.

- Vùng trồng cây Công nghiệp lâu năm: Quy hoạch đến năm 2030, định hướng đến năm 2040, với diện tích khoảng 330ha tập trung tại 2 xã Triệu Ái và Triệu Thượng

- Một số cây chính sau: Cây ăn quả: đến năm 2030 là khoảng 50 - 70ha (trồng tập trung 30 - 50ha), đến năm 2040 là 90 - 110ha (trồng tập trung 50 - 70ha); cây dược liệu: đến năm 2030 là khoảng 30-40 ha, đến năm 2040 là 50-70ha; cây cao su, cây Hồ tiêu: Đến năm 2030 diện tích hồ tiêu của huyện ổn định diện tích hiện có.

b. Định hướng vùng chăn nuôi:

- Quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt tại quyết định 3158/UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Quy hoạch chi tiết các vùng chăn nuôi tập trung, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng quy hoạch, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hộ tư nhân đầu tư xây dựng trang trại. Đến năm 2040, mỗi xã có từ 3 - 5 trang trại hạt nhân làm đầu mối liên kết với doanh nghiệp sản xuất, cung ứng con giống, bao tiêu sản phẩm cho trang trại trong xã.

- Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung: Vùng chăn nuôi tập trung bò lợn sẽ đưa vào vành đai trang trại tập trung chủ yếu tại xã Triệu Ái, Triệu Thượng.

c. Vùng nông nghiệp công nghệ cao:

- Vùng trồng lúa công nghệ cao: Vùng lúa ứng dụng công nghệ cao với quy mô 1951 ha đến năm 2030; 2500ha vào năm 2040.

- Phát triển vùng trồng cây công nghệ cao (rau quả) tại xã Triệu Sơn với diện tích 30 ha; phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp tại thôn Long Quang xã Triệu Trạch với diện tích 12 ha; phát triển vùng trồng cây có múi ứng dụng công nghệ cao (cam, bưởi, quýt,...) tại xã Triệu Thượng, Triệu Ái với diện tích 80 - 100 ha.

- Vùng chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao, vùng chăn nuôi bò thịt ứng dụng công nghệ cao xã Triệu Thượng khoảng 5.000 con.

d. Định hướng phát triển thủy sản:

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 đạt khoảng 500 ha. Sản lượng nuôi trồng đến năm 2030 ước đạt 5.213 tấn và đến năm 2040 ước đạt 9.146 tấn.

- Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản: vùng trồng thủy sản chủ yếu tập trung tại các xã Triệu An, Triệu Độ, Triệu Phước và một số xã khác. Định hướng nuôi trồng theo hướng công nghệ cao.

e. Quy hoạch về trồng cây lâm nghiệp:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2030 đạt trên 40%; Đến năm 2030 huyện Triệu Phong chuyển 3.382,0 ha từ đất chưa có rừng là đất khác trong lâm nghiệp sang đất ngoài lâm nghiệp. Trong đó giảm từ đất khác chưa có rừng phòng hộ là 2.140,20 ha, chưa có rừng sản xuất là 1.133,6 ha, đất có rừng ngoài 3 loại rừng là 108,2 ha.

- Trồng rừng gỗ lớn đạt tiêu chuẩn FSC, VFCS: đến năm 2030 là khoảng 1.500ha, đến năm 2040 là 2.500ha.

f. Dịch vụ và kinh tế hợp tác:

Phấn đấu có từ 30 HTX hoạt động cơ bản đúng, đủ các nội dung theo Luật HTX năm 2012, trong đó có 7 -10 HTX chuyên ngành được thành lập mới.

6.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

a. Hệ thống giáo dục và đào tạo:

- Đến năm 2040 tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia là 100%. Các cơ sở giáo dục đảm bảo đủ diện tích theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Giáo dục mầm non: Mỗi vùng xây dựng 01 trường mầm non theo mô hình trường chất lượng cao. Riêng thị trấn xây dựng 01 Trường với quy mô lớn, chất lượng cao. Đến năm 2030: 30% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đến năm 2040: 60% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Giáo dục Tiểu học: Mỗi vùng xây dựng 01 đến 02 trường tiểu học theo mô hình chất lượng cao. Xây dựng trường Tiểu học Thị trấn Ái Tử đạt tiêu chuẩn cơ sở giáo dục chất lượng cao và có 01 trường theo mô hình kiểu mẫu, có nhiều cấp học (tiểu học, THCS, THPT).

- Giáo dục THCS: Đến năm 2040: 100% trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Giáo dục Trung học Phổ thông: Đến năm 2030: 100% trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên. Xây dựng trường THPT Chu Văn An, THPT Nam Cửa Việt đạt tiêu chuẩn cơ sở giáo dục chất lượng cao. Xây dựng thêm 1 trường THPT tại khu vực Đô thị Nam Cửa Việt.

- Giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1. Xây dựng trung tâm đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho Khu Kinh tế.

b. Hệ thống y tế vùng.

- Về cơ sở hạ tầng y tế: Số giường bệnh trên vạn dân năm 2030 đạt khoảng 32 giường/vạn dân, năm 2040, 2050 đạt khoảng 37 giường/vạn dân.

- Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư nâng cấp Trung tâm y tế huyện đạt hạng II, có quy mô từ 150 giường; đầu tư nâng cấp Phòng khám đa khoa khu vực Bồ Bản có quy mô trên 50 giường; cải tạo và nâng cấp 18 Trạm y tế thị trấn, xã theo đúng chuẩn của Bộ Y tế.

c. Hệ thống Văn hóa – Thể thao vùng

- Các chỉ tiêu văn hoá: Xây dựng các trung tâm văn hóa – TDTT xã, các tụ điểm sinh hoạt, câu lạc bộ tại các cụm dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp; xây dựng công viên trung tâm thị trấn Ái Tử; tập trung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa – thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Giai đoạn 2021 - 2030: 100% khu dân cư được công nhận giữ vững danh hiệu văn hoá. 97% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

- Các chỉ tiêu thể thao: 80% người dân tham gia thường xuyên vào các hoạt động văn hoá, thể thao, trong đó có 50% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên; xây dựng nâng cấp sân vận động huyện; nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho khu văn hóa TDTT huyện; xây dựng các sân vận động ở các xã; xây dựng sân quần vợt ở trung tâm huyện, các sân bóng chuyền, cầu lông ở các xã, khu cụm công nghiệp trên địa bàn; trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho các trường học.

6.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Quy hoạch mạng lưới giao thông

* Giao thông đường bộ:

- Quốc lộ 1A: Cơ bản đã hoàn thành; tuyến tránh Quốc lộ 1A phía Tây: quy mô cấp đường cấp II.ĐB (đồng bằng); quốc lộ 49C: nâng cấp mở rộng quy mô đường cấp III.ĐB; đường trung tâm Khu kinh tế Đông nam (đường ven biển): mặt cắt 50m; đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây: quy hoạch đường cấp II.ĐB; cao tốc Cam Lộ - La Sơn: quy mô 4 làn xe, bề rộng nền đường 23m; cao tốc Triệu Phong – Lao Bảo: Chiều dài quy hoạch khoảng 59,5km, quy mô 4 làn xe; Quy hoạch tuyến nối đường tránh QL A phía Đông thành phố Đông Hà và đường tránh QL 1A đoạn qua Thành cổ Quảng Trị: Dự kiến có mặt cắt 27m, quy mô đường cấp II.

- Đường tỉnh: Đường tỉnh 579 (Ái Tử - Trù Lâu - Phụng Hoàng - Cửa): Giai đoạn đến năm 2040: đạt tiêu chuẩn đường cấp V.MN (miền núi);, đường tỉnh 578B (Cầu Đại Lộc - QL 49C) giai đoạn đến năm 2040: đạt tiêu chuẩn đường cấp III.ĐB (đồng bằng); đường Hùng Vương kéo dài đoạn qua huyện dài khoảng 8km, mặt cắt 33m; nâng cấp tuyến ĐH.41 lên đường Tỉnh, quy mô đường cấp IV.ĐB, nền rộng 9,0m, tổng chiều dài 12,5km; nâng cấp tuyến đường ĐH.43 (điểm đầu từ QL49C

đến điểm cuối đường ĐH.42) đạt tiêu chuẩn đường cấp III.ĐB với nền 12m; nâng cấp tuyến đường ĐH.46 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.ĐB, bổ sung cầu Việt Yên và nâng cấp tràn Thái Lai để phục vụ phát triển KTXH của khu vực.

- Đường huyện quy hoạch đến năm 2040 như sau:

+ Nâng cấp, điều chỉnh tuyến ĐH.48 (Giao QL1A và tuyến tránh phía đông thành phố Đông Hà kéo dài đến tuyến chính Khu đô thị Nam Sông Vĩnh Phước): quy mô đường cấp III.ĐB, quy hoạch tuyến dài thêm 5,2km nối với đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn; quy hoạch nối dài tuyến ĐH.45B kết nối thị trấn Ái Tử đến khu Kinh tế Đông Nam điểm đầu QL49C, điểm cuối ĐH.42 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.ĐB; nâng cấp và mở rộng ĐH.42 (Đường trong Khu kinh tế Đông Nam) quy mô đường cấp II.ĐB; nâng cấp và mở rộng đường ĐH.49 (QL1A - Cao tốc Cam Lộ La Sơn) quy mô đường cấp IV.ĐB; nâng cấp đường ĐH.49B quy mô đường cấp IV.ĐB; nâng cấp đường ĐH.47D (Triệu Thành - Triệu Hòa - Triệu Đại) quy mô đường cấp IV.ĐB; nâng cấp đường ĐH.46B (Đại Hào - Phan Xá - Thanh Liêm - UBND Triệu Độ) quy mô đường IV.ĐB; nâng cấp ĐH.45C (ĐT.578B - Cầu An Mô) đường cấp IV.ĐB; nâng cấp ĐH.46D (Vĩnh Lại - Phú Hội): đường cấp IV.ĐB; quy hoạch mở rộng đường ĐH.43C (điểm đầu từ Quốc lộ 49C đến điểm cuối đường ĐH.43, đường cấp IV.ĐB; quy hoạch mở rộng đường ĐH.43D (điểm đầu từ ĐH.41 đến điểm cuối đường quy hoạch Khu KTĐN), đường cấp IV.ĐB.

- Đường nội thị: Quy hoạch đến năm 2040, các trục giao thông chính của đô thị Ái Tử được đầu tư xây dựng hoàn thiện theo mặt cắt quy hoạch được phê duyệt.

- Đường giao thông nông thôn: Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn theo các đề án quy hoạch nông thôn mới đã phê duyệt.

* Quy hoạch giao thông đường sắt:

Tuyến đường sắt Bắc Nam: đi qua huyện Triệu Phong có chiều dài khoảng 8km. Giai đoạn sau năm 2021: Duy tu sửa chữa thường xuyên và hoàn thiện nâng cấp cải tạo tuyến đường đã nâng cấp giai đoạn đầu; tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam: đoạn đi qua huyện Triệu Phong tại xã Triệu Ái và Triệu Thượng, cách đường dây 500KV khoảng 300m về phía Đông; tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo: Đoạn qua huyện giao cắt giữa cao tốc Cam Lộ - La Sơn và ĐT.579.

* Quy hoạch giao thông tỉnh: Quy hoạch bến xe khách trung tâm huyện xã Triệu Thượng vị trí giáp ranh với thị trấn Ái Tử, đạt tiêu chuẩn bến xe loại V, diện tích khoảng 2.500m². Quy hoạch bến xe khu vực Bồ Bản với tổng diện tích khoảng 3.000m².

- Cảng biển: Khu bến Nam Cửa Việt thuộc khu bến Cửa Việt theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính Phủ; Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước hai bên bờ sông Hiếu từ thượng lưu cầu Cửa Việt khoảng 2,5km ra ngoài biển, phù hợp với tính không cầu Cửa Việt; Chức năng: khu bến tổng hợp.

- Cụm bến sông: Cụm bến Đại Lộc; Tân Đức - Hải Lệ, Đập Trám: trên sông Thạch Hãn, quy hoạch cụm bến vật liệu xây dựng cỡ tàu 200T - 300T, công suất 0,02 - 0,1 triệu tấn/năm;

* Quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy nội địa: Tuyến thủy sông Thạch Hãn: đoạn qua huyện (Gia Độ - đập Tràn) có chiều dài 25m, quy hoạch cấp

IV.

b. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Toàn huyện Triệu Phong chia thành các lưu vực thoát nước chính như sau:
- + Lưu vực sông Thạch Hãn: là lưu vực thoát nước chính ;
- + Lưu vực sông Vĩnh Định: là lưu vực ở phía Đông Bắc của huyện;
- + Lưu vực sông Vĩnh Phước.
- Các lưu vực thoát nước cấp vùng: lưu vực Miền 1 (xã Triệu Ái), lưu vực Miền 2 (xã Triệu Thượng), lưu vực Miền 3 (Thị trấn Ái Tử, xã Triệu Giang, Triệu Thuận, Triệu Đại, Triệu Long, một phần Triệu Thành,...); lưu vực Miền 4 (Gồm Triệu Thành, xã Triệu Hòa, Triệu Tài, Triệu Trung, Triệu Trạch, Triệu Đại); lưu vực Miền 5 (Gồm Triệu An, xã Triệu Vân, Triệu Lăng).

c. Định hướng hệ thống cấp nước vùng

- Nguồn cung cấp nước: Nhà máy nước Tân Lương công suất 28.500m³/ngày/đêm; Nhà máy nước Trám công suất 100.000m³/ngđ; Dự án “Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và chống chịu với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị”

- Nhu cầu dùng nước đến 2050: 41.769,7m³/ng.đ.

- Nguồn nước: Nguồn nước Sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn,...

d. Định hướng thoát nước, quản lý CTR và nghĩa trang.

- *Thoát nước:*

+ Lưu lượng nước thải đến 2050: 33.415,7m³/ng.đ.

+ Giải pháp thoát nước: Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư xây dựng xây dựng 1 trạm xử lý có công suất 2.000m³/ngày đêm tại Thị trấn Ái Tử. Đến năm 2040 nâng cấp Trạm xử lý lên 3.500m³/ngày đêm; đô thị Nam Cửa Việt xây dựng 1 trạm xử lý công suất theo quy hoạch Khu KTĐN tỉnh Quảng Trị; các khu, cụm công nghiệp tập trung đầu tư xây dựng xây dựng trạm xử lý với tổng công suất khoảng 20.000 m³/ngày.

- Xử lý chất thải rắn: quy hoạch Khu xử lý CTR tại xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong (12ha); quy hoạch thêm 01 Khu vực xử lý CTR cấp xã, cụm xã: CTR xã Triệu Thượng (7ha).

- Nghĩa trang:

+ Đối với đô thị thị trấn Ái Tử: Chôn cất tại nghĩa trang nhân dân đồi Ba Gò tại thôn Liên Phong, xã Triệu Ái.

+ Đối với khu vực nông thôn: Để phục vụ cho nhu cầu mai táng mới, di dời các khu vực nghĩa trang rải rác, tự phát, nhỏ lẻ và xen lẫn trong các khu dân cư vào các nghĩa trang tập trung.

e. Định hướng cung cấp năng lượng:

- Dự báo đến năm 2030 nhu cầu công suất điện trên địa bàn huyện là P_{max} = 453MW, năm 2040 P_{max} = 480MW, đến năm 2050 P_{max} = 485MW.

- Quy hoạch trạm 110kV: Xây dựng mới trạm 110 kV Triệu Phong 40 MVA, cấp điện cho các phụ tải ngoài khu kinh tế Đông Nam. Đến năm 2030, xây dựng trạm 110 kV Triệu Trạch 1 - 63 MVA cấp điện cho khu công nghiệp Triệu Trạch, Triệu Phú thuộc khu kinh tế Đông Nam.

- Lưới điện trung áp: Xây dựng mới các tuyến 22kV sau trạm 110kV Triệu Phong kết nối với các tuyến hiện có, cấp nguồn cho các phụ tải khu vực huyện Triệu Phong và KKT Đông Nam.

- Trạm hạ thế: Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối 22/0,4kV.

- Lưới hạ thế: Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất. Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1kV ruột đồng cho cáp ngầm.

- Quy hoạch điện vào các vùng sản xuất đến năm 2040: Đầu tư hệ thống điện vào các vùng sản xuất theo quy hoạch.

- Quy hoạch vùng điện gió: Quy hoạch khu vực điện gió ngoài khơi thuộc 2 xã Triệu Vân, Triệu An theo Quy hoạch điện VIII.

f. Quy hoạch hệ thống thông tin và truyền thông.

- Buu chính, Viễn thông: Đến năm 2030, số dân phục vụ bình quân dưới 3.000 người/điểm phục vụ, bán kính phục vụ bình quân dưới 2,3 km/điểm phục vụ.

- Công nghệ thông tin: Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải cách hành chính; triển khai đồng bộ, nâng cao tính hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, tạo môi trường minh bạch, hiện đại, góp phần nâng cao năng lực sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

- Báo chí - xuất bản, phát thanh - truyền hình: 100% hệ thống truyền thanh cơ sở được số hóa và quản lý trạng thái, nội dung chương trình đến từng cụm loa và phân quyền quản lý cho các đơn vị; 100% đài truyền thanh cơ sở tiếp âm chương trình phát thanh của đài cấp trên từ 2 - 6 giờ/ngày; 100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở các cấp được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% đài truyền thanh cơ sở sản xuất ít nhất 01 chương trình/tháng.

g. Định hướng Hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi

- Hồ chứa: Hồ Ái Tử, hồ Triệu Thượng, hồ Triệu Thượng II, Hồ Mụ Huyện (Triệu Ái) với tổng dung tích khoảng 23,86 triệu m³.

- Công ngăn mặn: công ngăn mặn Triệu Giang, công ngăn mặn Việt Yên (Triệu Phước), đập ngăn mặn Quy Hà (Triệu Độ), đập ngăn mặn Hà Cui (Triệu Trạch).

- Xây dựng mới hồ Ái Tử 2 tại xã Triệu Ái, diện tích tưới thiết kế 430ha. Xây dựng mới trạm bơm Vĩnh Phước 2 tại xã Triệu Ái, diện tích tưới thiết kế 120ha, nâng cấp sửa chữa 61 công trình đảm bảo diện tích tưới 1.567 ha.

- Bổ sung nguồn cho sông Vĩnh Định để cấp cho 400ha NTTS và 1.933ha canh tác vùng cát Nam Thạch Hãn của huyện Triệu Phong.

- Nâng cấp các hệ thống trạm bơm nhỏ tưới cho vùng đồng ruộng cao, ruộng xa nằm cuối nguồn các xã Triệu Phước, Triệu Trạch, Triệu Độ, Triệu Trung, Triệu Hòa, Triệu Đại, Triệu Thuận, Triệu Thành.

7. Đánh giá môi trường chiến lược (theo nội dung thuyết minh đồ án kèm theo).

8. Tổ chức thực hiện theo cơ chế quản lý, phát triển vùng.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng;
- Đẩy mạnh công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, trước mắt ưu tiên lập quy hoạch chung các khu vực phát triển đô thị;
- Hoàn thiện các quy hoạch chuyên ngành cho không gian phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch, làm tốt công tác tái định cư phục vụ cho thu hút đầu tư, phát triển các dự án đầu tư xây dựng. Xây dựng các chương trình đầu tư xây dựng và phát triển vùng theo kế hoạch.
- Tăng cường phát triển các mối quan hệ liên vùng, đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là với thành phố Đông Hà, nhằm huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển vùng;
- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh vào địa bàn vùng huyện, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng hiện đại và đồng bộ, coi trọng việc phát triển kết cấu hạ tầng diện rộng gắn kết trong và ngoài tỉnh;
- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, xây dựng các chương trình xúc tiến thương mại; có các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ để huy động các nguồn lực trong dân và các thành phần kinh tế trong huyện tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội huyện.

9. Định hướng các danh mục trọng điểm ưu tiên đầu tư (như biểu mẫu kèm theo).

Đề nghị HĐND huyện xem xét, thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050 để triển khai thực hiện các bước tiếp theo. /.

Nơi nhận: *U*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Văn Linh

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN
(Kèm theo Tờ trình số **50**.../TTr-UBND ngày **15**.../03/2023 của
UBND huyện Triệu Phong)

STT	Dự án đầu tư	Dự báo tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	Nguồn vốn	Quy mô
I	Về quy hoạch				
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ái Tử	4.0	2023-2024	NSNN	
2	Quy hoạch xây dựng xã giai đoạn đến năm 2035 (17 xã)	4.3	2023-2024	NSNN	
3	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm các xã	8.5	2023-2025	NSNN	244ha
4	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư đô thị (theo hồ sơ Đề xuất phát triển khu vực đô thị) và nông thôn	6.8	2023-2030	NSNN	298ha
5	Các quy hoạch khác	10.0	2023-2040	NSNN	
II	Hạ tầng xã hội				
1	Trung tâm văn hóa huyện	60.0	2023-2040	NSNN + XHH	
2	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng và dân cư hồ Ái Tử	377	2023-2030	XHH	230ha
3	Khu du lịch biển Triệu Lăng	70	2023-2025	NSNN + XHH	
4	Trường liên cấp chất lượng cao	50.0	2023-2030	XHH	
5	Quy hoạch, đầu tư phục dựng, tôn tạo các địa điểm dinh Chúa Nguyễn tại xã Triệu Giang, Triệu Ái và thị trấn Ái Tử	310	2023-2030	NSNN + XHH	
6	Trung tâm hành chính huyện	120	2025-2030	NSTW+NSĐP	
7	Cải tạo cảnh quan hồ Sắc Tứ	80	2025-2030	XHH	
8	Phòng khám đa khoa, bệnh viện tư nhân	25	2025-2030	XHH	
II	Giao thông				
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường ĐH trên địa bàn huyện:				
1.1	Nâng cấp tuyến ĐH.41	133.5	2024-2040	NSTW+NSĐP	12.5km
1.2	Nâng cấp tuyến ĐH.43	153.1	2024-2040	NSTW+NSĐP	9.8km

1.3	Xây mới tuyến ĐH.45B về đến KKTĐN	183.4	2024-2040	NSTW+NSĐP	10.3km
1.4	Nâng cấp, điều chỉnh tuyến ĐH.48	395.8	2024-2040	NSTW+NSĐP	15.2km
1.5	Nâng cấp, điều chỉnh tuyến ĐH.49	231.5	2024-2040	NSTW+NSĐP	13km
1.6	Nâng cấp các tuyến đường huyện khác	1,433.3	2024-2040		161km
1.7	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường chính nội thị, đạt chuẩn đường đô thị:	509.5	2023-2030	NSTW+NSĐP	39.13km
1.8	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường xã đạt chuẩn NTM	160.6	2023-2030	NSTW+NSĐP	139.4km
III	Nước mưa và nước thải, VSMT, cấp nước				
1	Hệ thống cấp nước, thoát nước chung thị trấn Ái Tử	52.4	2023-2030	NSTW+NSĐP	27km
2	Hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Triệu Phong		2023-2030		
3	Trạm xử lý nước thải	39.8	2023-2030	NSNN + XHH	2000m ³ /ngđ
4	KXL CTR tại xã Triệu Ái	211.0	2023-2030	XHH	
IV	Hạ tầng khác				
1	Trung tâm Logistics bến Nam Cửa Việt	450.0	2023-2025	XHH	33.37ha
2	Nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão Nam Cửa Việt, xã Triệu An	284.0	2023-2030	NSNN	
3	Hạ tầng Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong	100.0	2023-2030	NSNN + XHH	70ha